

Biểu số 4 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: **Trường MN Hoa Mai**
Chương: 822

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1374/QĐ- UBND ngày 14/11/2025 của UBND PHƯỜNG BÌNH DƯƠNG)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

DV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch
1	2	3	4	5=4-3
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí			
I	Số thu phí, lệ phí	-	-	-
1	Lệ phí			
2	Phí	-	-	-
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại	1.012.316.207	1.012.316.207	-
1	Chi sự nghiệp bậc học mầm non	1.012.316.207	1.012.316.207	-
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	1.012.316.207	1.012.316.207	-
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
2	Chi quản lý hành chính			
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ			
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ			
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	-	-	-
1	Lệ phí			
2	Phí	-	-	-
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước			
I	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	8.531.456.279	8.531.456.279	-
6000	Tiền lương	3.469.056.152	3.469.056.152	-
6050	Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng	921.616.000	921.616.000	-
6100	Phụ cấp lương	1.662.807.765	1.662.807.765	-
6250	Phúc lợi tập thể	17.700.000	17.700.000	-
6300	Các khoản đóng góp	1.159.570.981	1.159.570.981	-
6500	Thanh toán dịch vụ công cộng	133.939.219	133.939.219	-
6550	Vật tư văn phòng	104.560.720	104.560.720	-
6600	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	6.077.447	6.077.447	-
6700	Công tác phí	33.050.001	33.050.001	-
6750	Chi phí thuê mướn	71.418.000	71.418.000	-
6900	Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng từ kinh phí thường xuyên	119.333.520	119.333.520	-
7000	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn từng ngành	235.149.381	235.149.381	-
7050	Mua sắm tài sản vô hình	2.200.000	2.200.000	-
7750	Chi khác	42.888.316	42.888.316	-
7950	Chi lập các quỹ của đơn vị thực hiện khoán chi và đơn vị sự nghiệp có thu theo chế độ quy định	165.588.777	165.588.777	-
6201	Thưởng thường xuyên	386.500.000	386.500.000	-
II	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	4.040.016.413	4.040.016.413	-
6105	Phụ cấp làm đêm; làm thêm giờ	395.329.898	395.329.898	-
6157	Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	7.050.000	7.050.000	-
6400	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	724.249.861	724.249.861	-
6750	Chi phí thuê mướn	43.382.880	43.382.880	-
6949	Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác	11.286.000	11.286.000	-
7004	Đông phục, trang phục, bảo hộ lao động	27.800.000	27.800.000	-
7799	Chi các khoản khác	141.800.000	141.800.000	-
6449	KP thực hiện cải cách tiền lương KTC	2.323.357.774	2.323.357.774	-
7766	Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục đào tạo theo chế độ	365.760.000	365.760.000	-

Bình Dương, ngày 05 tháng 02 năm 2026

Hiệu trưởng



Lê Thị Tuyết Mai